



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-319 (26.1912)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H1
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2606-319	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,55	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,7	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,16	2
9	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	1,56	1
10	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	TCVN 6180:1996	mg/L	1,33	11

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM  
XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM  
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Số/No: W2606-320 (26.1912)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm H1
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-320	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,21	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,77	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,19	2
9	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	1,4	1
10	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N)	TCVN 6180:1996	mg/L	2,96	11

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-321 (26.1912)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm D3+ Nhà Tâm
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-321	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,5	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,21	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,74	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTM&MTLĐ

*(Signature)*

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM  
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Số/No: W2606-322 (26.1912)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm D3+ Nhà Tâm
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-322	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,21	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,4	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,13	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-323 (26.1912)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H9
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-323	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,61	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,19	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,2	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-324 (26.1912)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn H9
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-324	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	<0,005	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,26	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,15	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,23	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

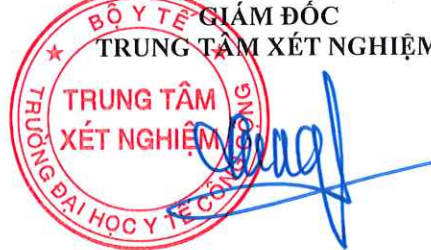
Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

*(Signature)*

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-325 (26.1912)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm T1+CL
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-325	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,56	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,95	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,31	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTM&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM  
XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-326 (26.1912)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm T1+CL
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-326	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	12	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,24	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,96	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,41	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

*(Signature)*

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-327 (26.1912)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H10
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-327	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	5,19	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,55	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,86	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,36	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

*[Signature]*

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-328 (26.1912)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm H10 + H12
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-328	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,27	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,87	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,2	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

*(Signature)*

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-329 (26.1912)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm Nước mặt Cty
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-329	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	5,07	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,53	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,25	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,04	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-330 (26.1912)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm D2
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-330	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,49	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,95	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,24	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

*(Signature)*

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-331 (26.1912)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm D2
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-331	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,24	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,99	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,44	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

BỘ Y TẾ GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-332 (26.1912)

1. Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H3  
2. Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch  
3. Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn  
4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn  
5. Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường  
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026  
7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng  
8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026  
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-332	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,71	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,49	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,74	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,61	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.  
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.  
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-333 (26.1912)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm T4+H8
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-333	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,49	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,98	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,32	2

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLĐ

*(Signature)*

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



*(Signature)*

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-334 (26.1912)

1. Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm T4+H8+ NM Cty  
2. Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch  
3. Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn  
4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn  
5. Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường  
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026  
7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng  
8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026  
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-334	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,66	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,22	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,32	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,94	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLB

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.  
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.  
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-335 (26.1913)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Tân Mỹ-Đồng Đăng ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-335	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,55	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,21	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,02	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM  
XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-336 (26.1913)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Tân Mỹ-Đông Đăng CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đông Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đông Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2606-336	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,26	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,3	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,56	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM  
XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-337 (26.1913)

- Tên mẫu/ Name of sample : Đầu nguồn trạm bơm LK1+ LK2
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-337	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,55	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,27	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,43	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-338 (26.1913)

- Tên mẫu/ Name of sample : Cuối nguồn trạm bơm LK1+ LK2
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-338	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	7,83	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,22	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,3	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,38	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-339 (26.1914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - LK2-LK5 -Than Muội ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : số 7, đường Lê Lợi, khu Trung Tâm, xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-339	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	7,62	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,54	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,59	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,58	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTL

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM  
XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-340 (26.1914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - LK2-LK5 -Than Muội CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : số 7, đường Lê Lợi, khu Trung Tâm, xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-340	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As) <sup>(*)</sup>	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc <sup>(*)</sup>	TCVN 6185:2015	TCU	6,78	15
5	Clo dư tự do <sup>(*)</sup>	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,21	0,2 ÷ 1
6	Mùi <sup>(*)</sup>	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH <sup>(*)</sup>	TCVN 6492:2011	-	7,77	6 ÷ 8,5
8	Độ đục <sup>(*)</sup>	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,28	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-341 (26.1914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Mỏ Sục-Chi Lăng ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : số 7, đường Lê Lợi, khu Trung Tâm, xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-341	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,97	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,62	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,15	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,03	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-342 (26.1914)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Mỏ Sục-Chi Lăng CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : số 7, đường Lê Lợi, khu Trung Tâm, xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-342	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	6,84	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,25	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,18	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,22	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-343 (26.1915)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Bình Gia ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Bình Gia - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 63, phố 6A, xã Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-343	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	13,63	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,52	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,32	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,65	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-344 (26.1915)

1. Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Bình Gia CN  
2. Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch  
3. Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Bình Gia - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn  
4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 63, phố 6A, xã Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn  
5. Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường  
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026  
7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng  
8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026  
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-344	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	15,43	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,25	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,23	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,44	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.  
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.  
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-345 (26.1916)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Na Sầm-Văn Lãng ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Văn Lãng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu 1, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-345	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,54	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,83	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,69	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-346 (26.1916)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Na Sầm-Văn Lãng CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Văn Lãng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu 1, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-346	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,29	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,79	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,6	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLB

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

BỘ Y TẾ GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-347 (26.1917)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - TT. Đình Lập ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-347	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,52	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,92	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,4	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-348 (26.1917)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - TT. Đình Lập CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-348	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,31	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,32	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM  
XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-349 (26.1917)

1. Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Nông Trường-Đình Lập ĐN  
2. Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch  
3. Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn  
4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn  
5. Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường  
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026  
7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng  
8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026  
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-349	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,5	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,04	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,39	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.  
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.  
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-350 (26.1917)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Nông Trường-Đình Lập CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-350	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,26	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,06	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,43	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

*(Signature)*

Ks. Đào Thị Thanh Dịu



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-351 (26.1918)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - SVĐ-Bắc Sơn ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Thôn Tiên Đào, xã Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-351	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,59	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,85	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,3	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-352 (26.1918)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Pó Sáng-Bắc Sơn ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Thôn Tiên Đào, xã Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-352	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,26	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,98	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,24	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-353 (26.1918)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Pó Sáng-Bắc Sơn CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Thôn Tiên Đào, xã Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-353	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,53	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,3	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,25	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

*(Signature)*

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-354 (26.1918)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - SVĐ-Bắc Sơn CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Thôn Tiên Đào, xã Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-354	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,26	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,14	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,19	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;  
QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;  
Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

*(Signature)*

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-355 (26.1919)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Trung tâm-Lộc Bình ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-355	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc <sup>(*)</sup>	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do <sup>(*)</sup>	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,49	0,2 ÷ 1
5	Mùi <sup>(*)</sup>	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH <sup>(*)</sup>	TCVN 6492:2011	-	7,63	6 ÷ 8,5
7	Độ đục <sup>(*)</sup>	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,15	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**KT. PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ**

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-356 (26.1919)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước hồ chứa - Na Dương-Lộc Bình CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-356	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,27	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,87	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**KT. PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLĐ**

**Ks. Đào Thị Thanh Dịu**

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026



**TS. Đặng Thế Hưng**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-357 (26.1919)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Na Dương-Lộc Bình ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-357	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli <sup>(*)</sup>	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc <sup>(*)</sup>	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do <sup>(*)</sup>	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,51	0,2 ÷ 1
5	Mùi <sup>(*)</sup>	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH <sup>(*)</sup>	TCVN 6492:2011	-	7,47	6 ÷ 8,5
7	Độ đục <sup>(*)</sup>	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,11	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**KT. PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ**

**Ks. Đào Thị Thanh Dịu**

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026



**TS. Đặng Thế Hưng**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-358 (26.1919)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Chi Ma-Lộc Bình ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-358	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,23	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,88	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**KT. PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLB**

**Ks. Đào Thị Thanh Dịu**

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**



**TS. Đặng Thế Hưng**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-359 (26.1919)

1. Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Trung tâm-Lộc Bình CN  
2. Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch  
3. Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn  
4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn  
5. Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường  
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026  
7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng  
8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026  
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-359	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,27	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,92	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**KT. PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ**

**Ks. Đào Thị Thanh Dịu**

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**



**TS. Đặng Thế Hưng**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.  
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.  
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-360 (26.1919)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Chi Ma-Lộc Bình CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-360	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,23	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,03	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	<0,1	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**KT. PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLĐ**

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-361 (26.1920)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - TT.Hữu Lũng DN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 126 đường Bắc Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-361	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,38	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,79	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,65	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-362 (26.1920)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - TT.Hữu Lũng CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 126 đường Bắc Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : MẪU đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-362	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,23	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,55	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,64	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;  
QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;  
KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;  
Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-363 (26.1920)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Vân Nham-Hữu Lũng DN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 126 đường Bắc Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description :
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-363	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,39	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,63	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,29	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

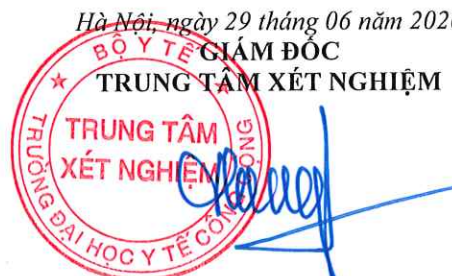
Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

*(Signature)*

Ks. Đào Thị Thanh Dịu



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-364 (26.1920)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Vân Nham-Hữu Lũng CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 126 đường Bắc Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-364	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,25	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,81	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,38	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

*(Signature)*

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-365 (26.1921)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Tràng Định ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Tràng Định - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 34 đường Nhà Nghêu, xã Thất Khê, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-365	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,41	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,13	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,99	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-366 (26.1921)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Tràng Định CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Tràng Định - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 34 đường Nhà Nghè, xã Thát Khê, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01-1:2024/BYT
				W2606-366	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,24	0,2 ÷ 1
5	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,16	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,8	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB *Dng*

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-367 (26.1913)

1. Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt trạm cấp nước Tân Thanh DN  
2. Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch  
3. Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn  
4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn  
5. Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường  
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026  
7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng  
8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026  
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2606-367	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,53	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,89	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,15	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

*(Signature)*

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.  
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.  
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2606-368 (26.1913)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt trạm cấp nước Tân Thanh CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 19/06/2026
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 19/06/2026 – 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2606-368	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B :2023	mg/L	KPH (LOD=0,0016)	0,01
4	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	5,48	15
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,22	0,2 ÷ 1
6	Mùi(*)	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	6,9	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,09	2

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

KT. PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

*(Signature)*

Ks. Đào Thị Thanh Dịu

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2026



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.